

10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 11 NĂM HỌC 2020-2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 1

TRƯỜNG THPT NAM TRỰC

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm): Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

"... (1) *Thật vậy, Nguyễn Du, đại thi hào của dân tộc từng viết: “Sách vở đầy bốn vách/ Có mấy cũng không vừa”. Đáng tiếc, cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai pha. Sách in nhiều nơi không bán được, nhiều nhà xuất bản đóng cửa vì thua lỗ, đặc biệt. Nhiều gia đình giàu có thay tủ sách bằng tủ... rượu các loại. Các thư viện lớn của các thành phố hay của tỉnh cũng chỉ hoạt động cầm chừng, cố duy trì sự tồn tại.*

... (2) *Bỗng chợt nhớ khi xưa còn bé, với những quyển sách giấu trong áo, tôi có thể đọc sách khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thân trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chần trâu, lúc chờ xe bus... Hay hình ảnh những công dân nước Nhật mỗi người một quyển sách trên tay lúc ngồi chờ tàu xe, xem hát, v.v... càng khiến chúng ta thêm yêu mến và khâm phục. Ngày nay, hình ảnh ấy đã bớt đi nhiều, thay vào đó là cái máy tính hay cái điện thoại di động. Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay...".*

(Trích “Suy nghĩ về đọc sách” – Trần Hoàng Vy, Báo Giáo dục & Thời đại, Thứ hai ngày 13.4.2015)

Câu 1. (0.5 điểm): Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 2. (1.0 điểm): Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 3. (1.0 điểm): Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: “cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai pha”?

Câu 4. (0.5 điểm): Có ý kiến cho rằng: Thời nay, đọc sách là lạc hậu. Sống trong thời đại công nghệ thông tin thì phải lên mạng đọc vừa nhanh, vừa dễ, vừa đỡ tốn kém. Anh/ chị có đồng tình với ý kiến đó không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến: Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền.

Câu 2. (5.0 điểm): Anh/ chị hãy cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến qua bài thơ Câu cá mùa thu.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Thao tác lập luận so sánh/ thao tác so sánh/ so sánh.

Câu 2: Câu văn khái quát chủ đề: Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay.

Câu 3: Tác giả cho rằng “cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai” vì ở thời đại công nghệ số, con người chỉ cần gõ bàn phím máy tính hoặc điện thoại di động đã có thể tiếp cận thông tin ở nhiều phương diện của đời sống, tại bất cứ nơi đâu, trong bất kì thời gian nào, nên việc đọc sách đã dần trở nên phai.

Câu 4: bày tỏ ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình và lí giải thuyết phục.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

- **Yêu cầu chung:** Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- **Yêu cầu cụ thể:**

+ Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

+ Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Lợi ích, vai trò của việc đọc sách.

+ Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác giải thích, chứng minh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải lấy từ thực tiễn đời sống, cụ thể và sinh động.

- Giải thích: Sách tốt là loại sách mở ra cho ta chân trời mới, giúp ta mở mang kiến thức về nhiều mặt: cuộc sống, con người, trong nước, thế giới, đời xưa, đời nay, thậm chí cả những dự định tương lai, khoa học viễn tưởng... Bạn hiền đó là người bạn có thể giúp ta chia sẻ những nỗi niềm trong cuộc sống, giúp ta vươn lên trong học tập, cuộc sống. Do tác dụng tốt đẹp như nhau mà có nhận định ví von "Một quyển sách tốt là một người bạn hiền".
- Bàn luận: Sách tốt là người bạn hiền kể cho ta bao điều thương, bao kiếp người điều linh đỏi khổ mà vẫn giữ trọn vẹn nghĩa tình; Sách cho ta hiểu và cảm thông với bao kiếp người, với những mảnh đời ở những nơi xa xôi, giúp ta vươn tới chân trời của ước mơ, ước mơ một xã hội tốt đẹp; Sách giúp ta chia sẻ, an ủi những lúc buồn chán: Truyện cổ tích, thần thoại; Khi đọc sách cần chọn lựa sách hay, giàu ý nghĩa, bổ ích cho người đọc...

+ Bài học rút ra.

+ Sáng tạo: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...); thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

+ Chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 2:

- **Yêu cầu chung:** Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- **Yêu cầu cụ thể:**

+ Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.

+ Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.

+ Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, nêu vấn đề nghị luận: Nguyễn Khuyến là nhà nho tài năng, có cốt cách thanh cao, một trong những đại diện xuất sắc cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam. Câu cá mùa thu là bài thơ đặc sắc trong chùm thơ thu, đằng sau bức tranh cảnh thu là vẻ đẹp tâm hồn thi nhân.
- Giải thích: Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến trong bài thơ là tình yêu thiên nhiên gắn liền với tình yêu quê hương, đất nước và tâm trạng thời thế của một tâm hồn thanh cao.
- Phân tích, chứng minh: Tình yêu thiên nhiên gắn liền với tình yêu quê hương đất nước: Thơ viết về thiên nhiên trước hết là bộc lộ tình yêu thiên nhiên của tác giả: thiên nhiên được cảm nhận bằng nhiều giác quan (thị giác, thính giác, xúc giác...). Bức tranh thiên nhiên với màu sắc, đường nét, âm thanh... đẹp, tĩnh lặng, đượm buồn, điển hình cho cảnh sắc mùa thu làng quê ở đồng bằng Bắc bộ. Tâm trạng thời thế của một tâm hồn thanh cao: Người đi câu hờ hững với việc câu cá bởi đang nặng lòng trước thế sự. Tâm trạng u hoài bộc lộ qua bức tranh thiên nhiên tĩnh lặng, vắng người, vắng tiếng. Nỗi u hoài từ tâm cảnh lan tỏa ra ngoại cảnh phủ lên cảnh vật vẻ thanh sơ đến hiu hắt. Không gian tĩnh lặng đem đến cảm nhận về nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn thi nhân. Tìm đến thú vui câu cá để nhàn thân nhưng tâm không nhàn, không câu cá mà “câu thanh, câu vắng” bởi nặng lòng trước thời thế và vận mệnh đất nước.

+ Sáng tạo: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...); văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

+ Chính tả, dùng từ, đặt câu.

2. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 2

TRƯỜNG THPT LIÊN SƠN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Yêu Tổ quốc từ những giọt mồ hôi tảo tần. Mồ hôi rơi trên những cánh đồng cho lúa thêm hạt. Mồ hôi rơi trên những công trường cho những ngôi nhà thành hình, thành khối. Mồ hôi rơi trên những con đường nơi rẻo cao Tổ quốc của những thầy cô trong mùa nắng để nuôi ước mơ cho các em thơ. Mồ hôi rơi trên thao trường đầy nắng gió của những người lính để giữ mãi yên bình và màu xanh cho Tổ quốc...

(Nguồn <http://vietbao.vn> ngày 9-5-2014)

Câu 1. (0.25 điểm): Xác định phong cách ngôn ngữ trong văn bản trên?

Câu 2. (0.5 điểm): Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 3. (0.5 điểm): Những từ ngữ: cánh đồng, công trường gợi nhớ đến đối tượng nào trong cuộc sống?

Câu 4. (0.25 điểm): Đặt tiêu đề cho văn bản trên.

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8

*“Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ
Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh”.*

(Trích Tiếng Việt - Lưu Quang Vũ)

Câu 5. (0.25 điểm): Đoạn thơ trên sử dụng phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 6. (0.25 điểm): Xác định một biện pháp tu từ trong bốn dòng đầu của đoạn thơ?

Câu 7. (0.5 điểm): Cảm nhận về đẹp của tiếng Việt qua hai câu thơ: Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa/ Óng tre ngà và mềm mại như tơ. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

Câu 8. (0.5 điểm): Trước thực trạng đáng buồn là giới trẻ ngày nay đang làm cho tiếng Việt mất dần vẻ đẹp và sự trong sáng, anh chị hãy nêu ra ít nhất hai giải pháp cho vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? Trả lời khoảng 5-7 dòng.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm): Nhân cách nhà nho chân chính trong “Bài ca ngất ngưỡng” của Nguyễn Công Trứ

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2:

- Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên là điệp (lặp) cấu trúc câu (mồ hôi rơi).

- Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó là nhấn mạnh tình yêu Tổ quốc từ những giọt mồ hôi của con người.

Câu 3: Những từ ngữ: cánh đồng, công trường gợi nhớ đến đối tượng nông dân, công nhân trong cuộc sống.

Câu 4: Tiêu đề: Yêu Tổ quốc hoặc Tổ quốc của tôi.

Câu 5: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật/ văn chương.

Câu 6: Biện pháp tu từ so sánh/ so sánh (Ồi tiếng Việt như đất cày, như lụa; mềm mại như tơ) hoặc biện pháp nghệ thuật ẩn dụ (óng tre ngà và mềm mại như tơ).

Câu 7: Hai câu thơ cho thấy tiếng Việt vừa mộc mạc, chân chất, khỏe khắn, gần gũi (như đất cày); vừa có sự lung linh, óng ả, thanh tao (óng tre ngà). Hai câu thơ thật đặc sắc, là một sự phát hiện, đúc kết của nhà thơ về vẻ đẹp phong phú, tinh tế và đậm bản sắc dân tộc của tiếng Việt.

Câu 8: Thí sinh trình bày giải pháp theo quan điểm riêng của mình, phải nêu ít nhất hai giải pháp. Câu trả lời phải chặt chẽ, thuyết phục.

II. LÀM VĂN

a. Mở bài:

- Giới thiệu hình tượng nhà nho trong văn chương: thường là hình tượng của chính tác giả, là sự tự bộc lộ con người tinh thần cùng với các khía cạnh cảm xúc, tư tưởng, quan niệm của họ về xã hội, về cuộc sống và con người.

- Bài “Bài ca ngất ngưỡng” của Nguyễn Công Trứ đã góp phần bộc lộ vẻ đẹp của nhân cách nhà nho chân chính.

b. Thân bài:

- Cát nghĩa và giới thiệu vấn đề:

+ “Nhân cách”: tư cách, phẩm chất riêng biệt của con người.

+ “Nhà nho”: người có học, tầng lớp trí thức trong xã hội cũ.

+ “Chân chính”: đúng đắn, ngay thẳng.

=> “Nhân cách nhà nho chân chính”: tư cách, phẩm chất tốt đẹp của người trí thức trong xã hội cũ.

- Những biểu hiện thông thường của nhà nho chân chính:

+ coi trọng sự học và học vấn, có ý thức lập công ghi danh song không để công danh thành sợi dây trói buộc mình.

+ Cốt cách thanh cao, trong sạch, lấy sự hài hòa, bình ổn về tinh thần làm chí hướng, lấy việc phụng sự đất nước làm mục tiêu phấn đấu.

+ Không cao đạo, tô vẽ giả tạo, xa rời thực tế mà chân thực, thẳng thắn trong cuộc sống.

- Chứng minh trong tác phẩm:

+ Hình tượng “ông ngất ngưỡng” trên mọi phạm vi đời sống, trong mọi khoảng thời gian của cuộc đời mình:

+ Ngất ngưỡng trên hành trình hoạn lộ: “vào lồng” mà vẫn rất phóng túng, tự do, luôn khẳng định mình trong mọi cương vị bằng “tay ngất ngưỡng”. Đó là cách sống của người quân tử bản lĩnh đầy tự tin, kiên trì lý tưởng.

+ Ngắt ngưỡng khi cáo quan về hưu: rất phóng khoáng tự do, không chịu sự ràng buộc của thói đời. Đó là cách sống của bậc tài tử phong lưu, không ngần ngại khẳng định cá tính của bản thân.

- Thái độ, cốt cách tác giả bộc lộ trong tác phẩm:

+ Tiếng cười sảng khoái, tự hào của con người có cốt cách độc đáo khi nhìn lại đời mình và tự bộc lộ.

+ Phong thái ung dung, tự do, tự tại, luôn đứng cao hơn tất cả bằng chính bản lĩnh và sức mạnh của một bậc chân tài.

+ Khái quát về đẹp nhân cách Nguyễn Công Trứ: một con người giàu nghị lực, dám sống mạnh mẽ, có ý nghĩa và dám sống theo cá tính của mình để vượt thoát khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong kiến và lối sống khắc kỷ của người quân tử.

- Đánh giá chung:

+ Tạo sức hấp dẫn về tư tưởng và cá tính tác giả: sức hấp dẫn của những quan điểm sống, cách nhìn độc đáo và đầy bản lĩnh về cuộc sống tạo nên sức hấp dẫn của lời thơ, giọng thơ và hình tượng thơ.

+ Góp phần tạo nên một cái nhìn đầy đủ về tầng lớp nho sĩ-trí thức trong xã hội cũ: học không phải chỉ là những con người mực thước, đạo mạo, uyên bác mà còn là những con người vừa trong sạch, thẳng ngay, rất bình dị, gần gũi với cuộc đời mà đầy bản lĩnh, đầy sức mạnh và tài năng để tự khẳng định chính mình và tìm cho mình một cuộc sống thật ý nghĩa.

c. Kết bài:

+ Khẳng định vẻ đẹp của nhân cách nhà nho chân chính là một giá trị tinh thần góp phần bổ sung, hoàn thiện đời sống tinh thần, tư tưởng cho con người.

+ Những vẻ đẹp ấy có ý nghĩa như một bài học để tự răn mình cho người trí thức trong thời đại ngày nay.

3. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 3

TRƯỜNG THPT THANH CHƯƠNG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2.0 điểm): Đặt câu với các thành ngữ sau:

- Mẹ tròn con vuông.

- Thấy người sang bắt quàng làm họ.

Câu 2: (8.0 điểm): Cảm nhận của anh (chị) về bài thơ “Câu cá mùa thu” (Nguyễn Khuyến).

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối buông cần, lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 3 MÔN: NGỮ VĂN 11

Câu 1:

- Tôi mừng cho chị mẹ tròn con vuông.
- Bạn đừng có thấy người sang bắt quàng làm họ nhé.

Câu 2:

- Yêu cầu chung về kĩ năng:
 - + Nắm phương pháp làm bài nghị luận văn học.
 - + Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
 - + Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận (phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh mở rộng vấn đề...). Đặc biệt, học sinh phải nắm vững thao tác phân tích tác phẩm thơ.
 - + Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.
 - + Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày bài rõ ràng.
- Yêu cầu về nội dung:
 - + Giới thiệu tác giả , tác phẩm.
 - + Nội dung:
 - Cảnh thu: Mang nét riêng của cảnh sắc mùa thu của làng quê Bắc bộ: Không khí dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật: Không gian thu tĩnh lặng, phẳng phát buồn.
 - Tình thu: Nói chuyện câu cá nhưng thực ra là để đón nhận cảnh thu, trời thu vào cõi lòng. Không gian thu tĩnh lặng như sự tĩnh lặng trong tâm hồn nhà thơ, khiến ta cảm nhận về một nỗi cô đơn, man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.
- + Nghệ thuật:
 - Bút pháp thủy mặc Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu họa của bức tranh phong cảnh;
 - Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.
- + Đánh giá chung.

4. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 4

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11**Thời gian làm bài: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4 :

Virus Zika là loại virus nguy hiểm liên quan đến dị tật bẩm sinh. Hãy tự biết cách để bảo vệ sức khỏe của mình và người thân bằng các phương pháp phòng tránh.

Người mắc bệnh này thường có biểu hiện sốt, đau cơ, nhức đầu và đau mắt. Theo WHO, có rất nhiều trường hợp bệnh nhân mắc bệnh Zika lại không có biểu hiện hay triệu chứng gì. Chính điều này khiến cho khả năng lây lan truyền nhiễm bệnh càng cao, rất nguy hiểm đặc biệt trong khu vực nhiệt đới.

Virus Zika được phát hiện đầu tiên vào năm 1947 tại khu rừng Zika của Uganda. Trường hợp tiếp theo được phát hiện và ghi nhận tại Nigeria vào năm 1954. Từ đó chúng trở nên lưu hành ở nhiều nước khu vực châu Phi. Cũng theo đó, trường hợp đầu tiên mắc bệnh này ở châu Á là tại đảo Yap thuộc Liên bang Micronesia vào năm 2007. Vào năm 2013, tại French Polynesia cũng ghi nhận ổ dịch đầu tiên rồi lây lan ra các đảo khu vực Thái Bình Dương như (New Caledonia, đảo Cook, đảo Easter). Thái Lan cũng đã ghi nhận 1 trường hợp mắc bệnh Zika vào năm 2013.

Với phương thức lây truyền chủ yếu là qua muỗi Aedes và thời gian ủ bệnh là từ 3 đến 12 ngày (đây là loại muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết). Hoặc bệnh Zika lây truyền qua đường máu, từ mẹ sang con và qua đường tình dục, tuy nhiên tới hiện tại cũng chưa có sự ghi nhận nào cho những đường lây truyền này.

Hiện nay tại Việt Nam đã phát hiện nhiều trường hợp nhiễm virus Zika. Bộ Y tế khuyến cáo người dân nên chủ động phòng tránh bệnh bằng những biện pháp như:

- Không tạo cơ hội và môi trường để muỗi đẻ trứng như các dụng cụ chứa nước, bể nước phải đậy kín.
- Diệt loăng quăng và bọ gậy thường xuyên bằng cách thả cá vào các dụng cụ chứa nước lớn. Vệ sinh và rửa sạch các dụng cụ chứa nước vừa và nhỏ. Không để nước ứ đọng trong bình, lọ, chai nơi ẩm thấp trong nhà và phải thay nước thường xuyên tránh nuôi muỗi.
- Loại bỏ các chất thải, phế liệu, các hốc nước tự nhiên để muỗi không thể đẻ trứng.
- Khi ngủ nhớ mặc màn, che đậy cẩn thận. Sử dụng các loại thuốc bôi, xịt trên da tránh bị muỗi đốt.
- Phun hóa chất diệt muỗi và chống dịch an toàn, đúng cách.
- Phải đến ngay trạm y tế để thăm khám khi có dấu hiệu của việc cảm cúm, ốm. Không tự ý điều trị bệnh ở nhà.
- Tích cực phối hợp với ngành y tế trong các đợt phun hóa chất diệt muỗi để phòng, chống dịch.
- Khi bị sốt đến ngay cơ sở y tế để được khám và tư vấn điều trị. Không tự ý điều trị tại nhà.

(Theo Gia đình Việt Nam)

Câu 1. (0.5 điểm): Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản. Đặt tên cho văn bản.

Câu 2. (0.5 điểm): Nêu nội dung được đề cập đến trong văn bản.

Câu 3. (1.0 điểm): Tại sao Virus Zika là loại virus nguy hiểm?

Câu 4. (1.0 điểm): Bài tỏ suy nghĩ về trách nhiệm góp phần bảo vệ sức khỏe trong cuộc sống hôm nay (trình bày trong khoảng 5-7 câu).

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng Chí Phèo (truyện ngắn: “Chí Phèo” của Nam Cao) từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC - HIỂU

Câu 1:

- Phong cách ngôn ngữ khoa học.
- Có thể đặt tên: Virus Zika và cách phòng ngừa

Câu 2: Nội dung được đề cập đến trong văn bản:

- Biểu hiện của Virus Zika.
- Nguồn gốc của Virus Zika.
- Những mối nguy hiểm và cách phòng ngừa Virus Zika.

Câu 3: Virus Zika là loại virus nguy hiểm:

- Vì nó để lại dị tật bẩm sinh (teo não, đầu nhỏ ở trẻ).
- Bệnh nhân mắc bệnh Zika lại không có biểu hiện hay triệu chứng gì. Khả năng lây lan truyền nhiễm bệnh càng cao, rất nguy hiểm đặc biệt trong khu vực nhiệt đới.
- Lây truyền qua đường muỗi đốt;
- Chưa có thuốc đặc hiệu để chữa trị.

Câu 4: Bài tỏ suy nghĩ về trách nhiệm góp phần bảo vệ sức khỏe trong cuộc sống hôm nay (trình bày trong khoảng 5-7 câu). Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, cần đảm bảo các ý chính:

- Sức khỏe là quý nhất trong đời sống của mỗi người (sức khỏe là vàng).
- Bảo vệ sức khỏe không những là trách nhiệm của mỗi người mà còn là của cả cộng đồng xã hội, cần thực hiện khẩu hiệu phòng bệnh hơn chữa bệnh.
- Phê phán những biểu hiện coi thường sức khỏe của mình và của người khác (gây ô nhiễm môi trường, không an toàn thực phẩm...).
- Bài học nhận thức và hành động: giữ gìn sức khỏe trên cả 2 mặt thể xác và tinh thần; tuyên truyền phòng chống những dịch bệnh nguy hiểm mới xuất hiện trên thế giới và trong nước...

II. LÀM VĂN

- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Đủ ba phần mở bài, thân bài, kết luận. Mở bài nêu được vấn đề. Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề. Kết bài thể hiện được ấn tượng, cảm xúc cá nhân.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: diễn biến tâm trạng Chí Phèo (truyện ngắn: “Chí Phèo” của Nam Cao) từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở.

- Nội dung: Có thể trình bày theo định hướng sau:

+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.

+ Khái quát sơ lược cuộc đời Chí Phèo để dẫn đến đoạn gặp Thị Nở và thức tỉnh.

+ Diễn biến tâm trạng:

- Trước hết là sự thức tỉnh. Bắt đầu là tình rượu: Cảm nhận về không gian sống, âm thanh, ánh sáng... Sau bao nhiêu năm gần như sống trong vô thức, triền miên say thì Chí Phèo đã cảm nhận thấy lòng “bằng khuâng”, “miệng đắng”, “lòng mơ hồ buồn”. Những sợi dây thần kinh cảm giác của một con người đã trở lại trong Chí.
- Sau khi tỉnh rượu, Chí Phèo dần tỉnh ngộ. Hắn nhớ lại quá khứ, nhìn lại hiện tại và suy ngẫm về tương lai.
- Chí Phèo ăn bát cháo hành được trao từ bàn tay ấm nóng đầy tình thương của Thị Nở, hắn vô cùng cảm động và thực sự phục sinh tâm hồn. Hắn “rất ngạc nhiên”, “mắt hắn hình như ướt ướt” bởi vì “đây là lần thứ nhất hắn được người ta cho cái gì”. Hắn nhận ra “Trời ơi, chào mới thơm làm sao!”. Hương vị của bát cháo hành hay hương vị của tình yêu chân thành và cảm động, hạnh phúc giản dị và thắm thía lần đầu tiên Chí Phèo được hưởng đã đánh thức nhân tính vùi dập bấy lâu?
- Khát khao lương thiện “Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn”, mọi người sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng của những con người lương thiện.
- Khát vọng hạnh phúc: Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng nhất định sẽ lấy nhau.

+ Giá trị nhân đạo: Nam Cao thể hiện sức sống bất diệt của “thiên lương”. Lương thiện, khát khao hạnh phúc là bản tính tự nhiên của con người, không một thế lực tàn bạo nào có thể hủy diệt. Ngay cả khi con người bị tha hóa, bản chất ấy chỉ tạm thời lắng xuống chứ không biến mất. Nó giống như ngọn lửa vẫn đang âm ỉ cháy dưới đồng tro tàn nguội lạnh mà chỉ cần một ngọn gió mát lành của tình yêu thương thổi tới nó sẽ bùng cháy mãnh liệt. Quá trình thức tỉnh của Chí Phèo đã cho thấy ngòi bút nhân đạo sâu sắc của nhà văn Nam Cao.

+ Nghệ thuật: Thành công đáng lưu ý nhất của Nam Cao qua đoạn trích này là việc khám phá, miêu tả thế giới nội tâm để khẳng định bản chất tốt đẹp của nhân vật. Cốt truyện của tác phẩm hấp dẫn, tình tiết đầy kịch tính và luôn biến hóa, bất ngờ. Cách trần thuật linh hoạt, phóng túng, phong phú. Nhờ đó, nhà văn tạo nên những giọng điệu đan xen nhau hấp dẫn người đọc.

- Sáng tạo:

+ Bộc lộ sự sáng tạo trong cách trình bày luận điểm, luận cứ, luận chứng; trong diễn đạt, tư duy.

+ Có quan điểm, thái độ riêng, sâu sắc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

- Ngôn ngữ diễn đạt: Diễn đạt trong sáng, giàu sức biểu cảm; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

5. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 5

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1. (3.0 điểm): Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi dưới đây:

“Trước đây thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngôi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng. Cũng có kẻ gỡ mỡ canh cửa, cũng có kẻ ra biển vào sông, chết đuối trên cạn mà không biết, dường như muốn lần tránh suốt đời. Nay trẫm đang ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?”.

(Trích Chiếu cầu hiền - Ngô Thì Nhậm)

a. (1.0 điểm): Nội dung chính của đoạn văn trên?

b. (1.0 điểm): Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn trên có tên gọi chung là gì? Nó thể hiện đặc điểm nào về mặt nghệ thuật của văn học trung đại?

c. (1.0 điểm): Tư thế “Ghé chiếu” của vua Quang Trung có hiệu quả thuyết phục như thế nào với sĩ phu Bắc Hà?

Câu 2. (7.0 điểm): Phân tích bài thơ Tự tình II của Hồ Xuân Hương. Qua số phận người phụ nữ trong xã hội xưa, anh (chị) có suy nghĩ gì về cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay?

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!*

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 11

Câu 1:

a. Nội dung của đoạn văn trên là:

- Cách ứng xử của hiền tài Bắc Hà khi Quang Trung ra Bắc phủ Lê diệt Trịnh là vẫn còn e dè, nghi ngại, giữ mình là chính, thậm chí ẩn dật ưỡn phí tài năng.
- Thái độ khiêm tốn, sẵn sàng chờ đợi và trọng dụng người tài của người xuống chiếu.

b. Phần in đậm là những điển tích điển cố, thể hiện đặc điểm của văn học trung đại là lối tư duy theo kiểu mẫu đã có sẵn, hướng về cái đẹp trong quá khứ, ưa sử dụng những điển tích điển cố, những thi liệu Hán học.

c. Tư thế “ghé chiếu” là một điển tích vừa cho thấy thái độ khiêm tốn sẵn sàng chờ đợi và trọng dụng hiền tài của Quang Trung vừa thể hiện vốn hiểu biết uyên thâm, tài văn chương của tác giả. Người nghe vì thế thêm nể trọng vì những điều đã được viết ra.

Câu 2:

- **Yêu cầu về kĩ năng:** Làm đúng kiểu bài phân tích, cảm thụ thơ trữ tình. Khi viết bài, người viết có thể vận dụng nhiều thao tác nghị luận như phân tích, giải thích, chứng minh, nêu cảm nghĩ...

- Yêu cầu về kiến thức:

+ Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Xuân Hương, tác phẩm Tự tình II.

+ Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

- Hai câu đề: Tình cảnh cô đơn của người phụ nữ trong đêm khuya thanh vắng xót xa thấm thía cho sự rẻ rúng, bề bần duyên phận.
- Hai câu thực: Tìm đến rượu để quên đời, nhưng không quên được; tìm đến vàng trắng để mong tìm tri âm, chia sẻ nhưng chỉ thấy đêm tàn, trăng khuyết, tuổi xuân trôi qua mà tình duyên không trọn vẹn.
- Hai câu luận: Tả cảnh Thiên nhiên kì lạ phi thường, đầy sức sống: Muốn phá phách, tung hoành -> cá tính Hồ Xuân Hương: mạnh mẽ, quyết liệt, tìm mọi cách vượt lên số phận. Phép đảo ngữ và nghệ thuật đối: sự phẫn uất, phản kháng của tâm trạng nhân vật trữ tình.
- Hai câu kết: Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.
- Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh sinh động; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

+ Suy nghĩ của bản thân về cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.

+ Quan niệm về người phụ nữ trong xã hội xưa: Phần lớn phụ nữ Việt Nam thời xưa không được coi trọng, không có được những địa vị xứng đáng trong gia đình, xã hội, phải chịu nhiều sự áp đặt, bất công, tư tưởng trọng nam khinh nữ.

+ Quan niệm về người phụ nữ trong xã hội ngày nay:

- Vẫn có trách nhiệm tề gia nội trợ, vẫn giữ được nét dịu dàng, khiêm nhường của người phụ nữ truyền thống.
- Là những công dân bình đẳng trong cộng đồng xã hội. Không còn phải cam chịu số phận, không còn phải phụ thuộc hoàn toàn vào người đàn ông như phụ nữ xưa. Họ có quyền được học hành, làm việc, cống hiến cho sự phát triển của xã hội.

+ Khái quát lại nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

6. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 6

TRƯỜNG THPT THAN UYÊN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1. (3.0 điểm): Hãy lấy ví về hai thành ngữ mà em biết và giải thích về nội dung ý nghĩa của chúng?

Câu 2. (2.0 điểm): Viết lại bốn câu thơ đầu (bản dịch thơ) của tác phẩm: "Bài ca ngắn đi trên bãi cát" - Tác giả: Cao Bá Quát.

Câu 3. (5.0 điểm): Viết một đoạn văn ngắn chỉ ra và phân tích nội dung ý nghĩa của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích sau:

"Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử"...

(Trích: Chiếu cầu hiền - Tác giả: Ngô Thì Nhậm)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 11

Câu 1:

- Học sinh lấy ví dụ về hai thành ngữ bất kì.
- Giải thích đúng nội dung ý nghĩa của hai thành ngữ.

Câu 2:

- Viết lại chính xác bốn câu thơ đầu của bài thơ:

*"Bãi cát lại bãi cát dài,
Đi một bước như lùi một bước.
Mặt trời đã lặn chưa dừng được,
Lữ khách trên đường nước mắt rơi"...*

Câu 3: Học sinh trình bày đảm bảo về nội dung và hình thức một đoạn văn, chỉ ra và phân tích được biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích, sau đây là một số gợi ý: Trong đoạn trích trên, Ngô Thì Nhậm đã rất tài ba và khéo léo trong việc sử dụng biện pháp so sánh ẩn dụ: ở đó người hiền tài được ví như ngôi sao sáng, mà sao sáng thì: Ắt châu về ngôi Bắc Thần - ngôi sao tượng trưng cho Thiên Tử, và suy ra: Việc người hiền tài về giúp vua trị nước là lẽ đương nhiên! Cách lập luận đó của tác giả đã đủ sức kêu gọi, thuyết phục sĩ phu, nhân kiệt Bắc Hà ra phò tá vua Quang Trung trị vì đất nước.

7. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 7

TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm): Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Tuổi trẻ không là khái niệm chỉ một giai đoạn trong đời người, mà chỉ một trạng thái tâm hồn. Tuổi trẻ không nhất thiết phải gắn liền với sức khỏe và vẻ tráng kiện bên ngoài, mà lại gắn với ý chí mạnh mẽ, trí tưởng tượng phong phú, sự mãnh liệt của tình cảm và cảm nhận phấn khởi với suối nguồn cuộc sống.

Tuổi trẻ thể hiện ở lòng can đảm chứ không phải tính nhút nhát, ở sở thích phiêu lưu trải nghiệm hơn là ở sự tìm kiếm an nhàn[...]. Không ai già đi vì tuổi tác, chúng ta chỉ già đi khi để tâm hồn mình héo hon. Thời gian hình thành tuổi tác, thái độ tạo nên tâm hồn. Năm tháng in hằn những vết nhăn trên da thịt, còn sự thờ ơ với cuộc sống sẽ tạo ra những vết nhăn trong tâm hồn chúng ta.

(Mac Anderson, *Điều kì diệu của thái độ sống*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2008, trang 68)

Câu 1. (1.0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt và phong cách chức năng ngôn ngữ của văn bản.

Câu 2. (1.0 điểm): Trong vế câu “Sự thờ ơ với cuộc sống sẽ tạo ra những vết nhăn trong tâm hồn”, từ nào được dùng theo nghĩa chuyển? Nêu cách hiểu ngắn gọn của anh chị về nghĩa của từ đó.

Câu 3. (1.0 điểm): Văn bản gửi đến anh/chị thông điệp gì (trả lời ngắn gọn)?

Câu 4. (2.0 điểm): Viết đoạn văn (từ 15 đến 20 dòng) làm rõ ý: “Tuổi trẻ thể hiện ở lòng can đảm chứ không phải tính nhút nhát, ở sở thích phiêu lưu trải nghiệm hơn là ở sự tìm kiếm an nhàn”.

II. LÀM VĂN (5.0 điểm)

Cảm nhận tâm sự của Tú Xương gửi gắm trong bài thơ “Thương vợ”.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt: Nghị luận.
- Phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2:

- Từ “vết nhăn” được dùng theo nghĩa chuyển.
- Ý nghĩa: Biểu thị sự già nua, chai sạn trong tâm hồn

Câu 3:

- Đừng để tâm hồn trở nên già nua.
- Hãy giữ cho tâm hồn luôn tươi trẻ bằng cách sống mạnh mẽ, lạc quan, can đảm, yêu thương.

Câu 4:

- **Yêu cầu về kĩ năng:** Biết cách viết đoạn văn; đoạn văn hoàn chỉnh theo lối diễn dịch, chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả; đảm bảo dung lượng như yêu cầu đề.

- **Yêu cầu về kiến thức:**

- + Giải thích: Câu nói bàn về những biểu hiện của tuổi trẻ.
- + Bàn luận:
 - Tuổi trẻ thể hiện ở lòng can đảm chứ không phải tính nhút nhát: sống dũng cảm, dám nói, dám làm, thể hiện bản lĩnh cá nhân.

- Tuổi trẻ thể hiện ở sở thích phiêu lưu trải nghiệm hơn là ở sự tìm kiếm an nhàn: sống tích cực, nhiệt huyết, luôn muốn thử thách bản thân, tìm kiếm điều mới mẻ.

+ Bài học: Hãy sống dũng cảm và nhiệt huyết để không phí hoài tuổi trẻ và đời người.

II. LÀM VĂN

- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tâm sự của Trần Tế Xương gửi gắm trong bài thơ “Thương vợ”.

- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

- Giới thiệu tác giả Trần Tế Xương, tác phẩm “Thương vợ”, vấn đề nghị luận: Tâm sự của nhà thơ, dẫn thơ.

- Cảm nhận tâm sự của Tú Xương:

+ Thấu hiểu, yêu thương, quý trọng, tri ân vợ

+ Tự trách mình, nhận ra sự bất lực của bản thân trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ.

+ Chửi đời, lên án xã hội bạc bẽo, bất công.

- Đánh giá:

+ Lời thơ giản dị, sâu sắc, kết hợp giữa trữ tình và trào phúng, sử dụng sáng tạo thi liệu dân gian.

+ Tấm lòng sâu nặng với vợ, nhân cách cao đẹp và thái độ bất mãn trước thời đại của Tú Xương.

- Sáng tạo:

+ Liên hệ tác phẩm khác.

+ Ý mới mẻ, sâu sắc.

- Chính tả, dùng từ, đặt câu.

8. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 8

TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm): Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Vũ trụ nội mạc phi phận sự,

Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng.

Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,

Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng.

Lúc bình Tây, cờ đại tướng,

Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên”.

(Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục)

Câu 1. (1.0 điểm): Văn bản trên được trích từ tác phẩm nào? Của ai ?

Câu 2. (1.0 điểm): Vì sao biết rằng việc làm quan là gò bó, mất tự do (vào lồng) nhưng Nguyễn Công Trứ vẫn ra làm quan ?

Câu 3. (1.0 điểm): Chỉ ra và cho biết tác dụng của những biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Phân tích hình ảnh bà Tú trong bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Văn bản trên được trích trong tác phẩm Bài ca ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ.

Câu 2: Biết rằng việc làm quan là gò bó, mất tự do nhưng Nguyễn Công Trứ vẫn ra làm quan vì đó là cách tốt nhất giúp ông thể hiện tài năng và thực hiện lí tưởng (trí quân trạch dân) của mình.

Câu 3: Những biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản:

- Liệt kê những danh vị, chức vụ: Thủ khoa, Tham tán, Tổng đốc, đại tướng, Phủ doãn.

- Điệp từ “khi”.

- Tác dụng: Thể hiện niềm tự hào của tác giả vì ông đã tạo dựng được một sự nghiệp lẫy lừng, hơn đời.

II. LÀM VĂN

- Yêu cầu về kĩ năng:

+ Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học, phân tích hình ảnh một nhân vật trong tác phẩm thơ.

+ Bài có bố cục 3 phần rõ rệt; diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu; trình bày bài sạch sẽ, chữ viết rõ ràng.

- **Yêu cầu về kiến thức:** Trên cơ sở hiểu biết về tác giả Trần Tế Xương và bài thơ “Thương vợ”, học sinh có thể trình bày vấn đề theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý sau:

+ Mở bài: Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.

+ Thân bài:

- Phân tích hình ảnh bà Tú trong bài thơ: Hình ảnh người phụ nữ với gánh nặng gia đình trên vai (học sinh phân tích hai câu đề và hai câu thực để thấy được công việc làm ăn nhọc nhằn, vất vả, đầy hiểm nguy và gánh nặng mà bà Tú phải đảm đương để mưu sinh); Hình ảnh người phụ nữ với số kiếp vất vả và món nợ tình phải trả trong cuộc đời (học sinh phân tích các hình ảnh lặn lội thân cò, eo sèo mặt nước, thành ngữ một duyên hai nợ, năm nắng mười mưa để thấy được điều đó); Hình ảnh người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn: Chịu thương chịu khó, đảm đang tháo vát, trọn vẹn trách nhiệm làm vợ làm mẹ; cam chịu, chấp nhận, không một lời oán thán, chỉ

chiết (học sinh phân tích các từ ngữ nuôi dưỡng, âu đành phận, dăm quần công... để thấy được đức hạnh và vẻ đẹp tâm hồn của bà Tú.

- Nhận xét, đánh giá: Hình ảnh bà Tú hiện lên qua cảm nhận của người chồng là nhà thơ Trần Tế Xương nên rất khách quan, sinh động. Tú Xương đã khắc họa hình tượng người vợ của mình bằng sự thấu hiểu, lòng yêu thương chân thành, sâu sắc và bằng cả tài năng của một người nghệ sĩ tài hoa. Bà Tú là một trong những hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời trung đại, tiếp nối đề tài quen thuộc của văn học dân gian và trở thành tiền đề để đề tài này tiếp tục phát triển trong văn học hiện đại.

+ Kết bài: Khẳng định hình ảnh bà Tú là một hình ảnh đẹp, để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc về người phụ nữ Việt Nam.

9. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 9

TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (2.0 điểm)

Làm thế nào để xây dựng hình ảnh đẹp cho học sinh trường THPT Lê Quý Đôn? Anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 150 từ (tương đương nửa trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề trên.

II. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (8.0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nữ sĩ Hồ Xuân Hương trong bài thơ Tự tình (II).

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 9

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

- Về hình thức:

+ Đáp ứng yêu cầu về dung lượng (khoảng nửa trang giấy thi).

+ Đúng hình thức 01 đoạn văn - Dẫn dắt trôi chảy, mạch lạc, không sai chính tả...

- Về nội dung:

+ Trường Lê Quý Đôn: ngôi trường có bề dày truyền thống lâu đời, nhiều thế hệ học sinh thành công, có những đóng góp tích cực cho xã hội.

+ Học sinh Lê Quý Đôn ngày nay cần có ý thức tiếp tục xây dựng hình ảnh đẹp cho trường, cụ thể:

- Nuôi dưỡng nhân cách đẹp: trung thực, trách nhiệm, lễ phép...
- Trau dồi kiến thức.
- Thực hiện hành động đẹp: nói lời hay, làm việc tốt, tác phong chuẩn mực...

- Rèn luyện kỹ năng sống đẹp, thói quen đẹp, xây dựng hình ảnh đẹp cho học sinh Lê Quý Đôn.
- Biết nói không và lên án trước những hành động, lời nói tiêu cực, phản cảm trong học đường.

II. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

- Giới thiệu vài nét chính về: Tác giả, tác phẩm.

- Phân tích:

+ Hai câu đề:

- Cô đơn, bẽ bàng.
- Hoàn cảnh: đêm khuya, cảnh vật chìm trong màn đêm yên tĩnh.
- Hình ảnh con người: động từ trơ, đối lập hồng nhan - nước non.
- Nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của thân phận.

+ Hai câu thực:

- Xót xa, cay đắng.
- Tìm rượu và trăng để quên nhưng không lối thoát.
- Hai câu thơ thấm đẫm nỗi xót xa, cay đắng.

+ Hai câu luận:

- Nỗi phẫn uất và niềm khao khát hạnh phúc.
- Biện pháp đảo ngữ ở 2 câu thơ.
- Những động từ mạnh xiên ngang, đâm toạc.
- Hình ảnh sự vật thiên nhiên như mang nỗi niềm của con người: phẫn uất trước cuộc đời và khát khao hạnh phúc.

+ Hai câu kết:

- Chán chường, buồn tủi trước thực tại.
- Nhà thơ chán ngán khi nhận ra quy luật khắc nghiệt của thời gian.
- Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến nhấn mạnh sự ít ỏi dần của tình duyên.
- Buồn tủi trước thực tại phũ phàng.

- Đánh giá:

+ Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn bát cú ngắn gọn súc tích. Ngôn ngữ mạnh mẽ, táo bạo. Các thủ pháp: liệt kê, đối lập, tăng tiến...

+ Nội dung: Bài thơ bày tỏ nỗi bất hạnh của người phụ nữ trong cảnh lẽ mọn, phê phán chế độ đa thê trong xã hội phong kiến xưa.

10. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 10

TRƯỜNG THPT NGÔ LÊ TÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU: (3.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“Hôm qua em đi tỉnh về
 Đợi em ở mãi con đê đầu làng
 Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
 Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
 Nào đâu cái yếm lụa sồi?
 Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
 Nào đâu cái áo tứ thân?
 Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?
 Nói ra sợ mất lòng em
 Van em, em hãy giữ nguyên quê mùa
 Như hôm em đi lễ chùa
 Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
 Hoa chanh nở giữa vườn chanh
 Thầy u mình với chúng mình chân quê
 Hôm qua em đi tỉnh về
 Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

(Chân quê - Nguyễn Bính)

Câu 1. (1.0 điểm): Bài thơ viết theo thể thơ nào? Tác dụng của việc sử dụng thể thơ đó?

Câu 2. (0.5 điểm): Phương thức biểu đạt của đoạn thơ?

Câu 3. (0.5 điểm): Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 4: (1.0 điểm): Trong những câu thơ sau, nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ gì?

Nào đâu cái yếm lụa sồi?/ Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?/ Nào đâu cái áo tứ thân?/ Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm): Từ bài thơ “Chân quê” Nguyễn Bính, Anh/chị có suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc (viết khoảng 200 từ).

Câu 2. (5.0 điểm): Phân tích vẻ đẹp hình tượng nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 10

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát.
- Tác dụng: Tạo được giọng điệu tâm tình, tha thiết, sâu lắng cho bài thơ và khắc họa thành công tâm trạng của nhân vật trữ tình: đợi chờ, xót xa, mong muốn người mình yêu hãy giữ vẻ đẹp chân quê, hồn quê đích thực.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Câu 3: Nhân vật trữ tình: Nhân vật anh – chàng trai.

Câu 4:

- Biện pháp tu từ :
 - + Liệt kê (trang phục của cô gái);
 - + Câu hỏi tu từ (4 câu): “Nào đâu cái yếm... nái đen?”.
 - + Điệp ngữ: nào đâu.

II. LÀM VĂN**Câu 1:**

- **Yêu cầu chung:** Thí sinh biết vận dụng kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, có cảm xúc, bảo đảm tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Yêu cầu cụ thể:

- + Từ bài thơ “Chân quê” Nguyễn Bính ta đã bàn về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc:
 - Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng. Bản sắc đó không phải ngẫu nhiên mà có được.
 - Đó là kết quả của sự kết tinh những giá trị văn hóa gốc, căn bản, cốt lõi của dân tộc đã được thử thách qua thăng trầm.
 - Cho nên, ai cũng phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- + Bàn luận, mở rộng vấn đề: Liên hệ một số đối tượng trong xã hội có lối sống đua đòi dẫn đến văn hóa truyền thống bị phá vỡ (dẫn chứng). Cần tiếp thu có chọn lọc những giá trị tinh hoa của văn hóa các dân tộc khác để làm giàu có và phong phú thêm nền văn hóa dân tộc.

Câu 2:

- Đảm bảo cấu trúc về bài văn nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề; thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/đoạn văn; kết bài kết luận được vấn đề.
- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu chung: Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân, truyện ngắn “Chữ người tử tù” và nhân vật Huấn Cao.
- Về đẹp tài hoa:
 - + Nhân vật Huấn Cao được đánh giá là nhân vật đẹp nhất trong thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân và là nhân vật điển hình của văn học lãng mạn trước năm 1945.
 - + Huấn Cao được giới thiệu gián tiếp qua cuộc đối thoại của quản ngục và thầy thơ lại, ông là một người nổi tiếng về nghệ thuật thư pháp: “Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm...”.

- + Chữ Huấn Cao đẹp bởi nó kết tụ tinh hoa, tâm huyết, hoài bão của người cầm bút nên quần ngục mới ước ao: “Có được chữ ông Huấn Cao mà treo là có được vật báu trên đời”.
- + Quần ngục phải tốn nhiều công sức để hi vọng xin được chữ Huấn Cao. Ông bất chấp luật lệ nhà tù biệt đãi Huấn Cao.
- + Nguyễn Tuân không chỉ ca ngợi gián tiếp mà còn ca ngợi trực tiếp vẻ đẹp tài hoa ấy của Huấn Cao trong cảnh cho chữ cuối cùng. Trước quần ngục và thầy thợ lại, Huấn Cao đúng là một nghệ sĩ thư pháp, ông dồn hết tâm huyết vào từng nét chữ: vuông vắn, tươi tắn, bay bổng, nói lên những hoài bão tung hoành của một đời người...
- Vẻ đẹp của khí phách hiên ngang, bất khuất:
 - + Trước khi vào nhà lao, Huấn Cao là một trang anh hùng nghĩa hiệp, chọc trời khuấy nước.
 - + Khi vào nhà lao, Huấn Cao vẫn hiên ngang, bất khuất, không run sợ trước cường quyền, bạo lực và cái chết (hành động lạnh lùng chúc mũi gông nặng trước mặt quân lính, thản nhiên nhận rượu thịt, thái độ khinh thường quần ngục...).
- Vẻ đẹp của thiên lương trong sáng:
 - + Thiên lương là lòng tốt, tâm sáng. Nếu Huấn Cao chỉ có tài hoa, khí phách mà thiếu thiên lương thì Huấn Cao chưa phải là nhân vật hoàn mỹ.
 - + Thiên lương của Huấn Cao được thể hiện ở tính cách thẳng thắn, trọng nghĩa khinh tài. Ông viết chữ không vì vàng ngọc hay quyền thế mà vì sự gặp gỡ tâm hồn của những người yêu cái đẹp.
 - + Huấn Cao không chỉ cho chữ mà còn tặng Quần Ngục những lời khuyên quý giá nhằm cứu vớt con người làm đường lạc lối.
- Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật:
 - + Tạo dựng tình huống truyện độc đáo.
 - + Sử dụng thành công thủ pháp đối lập.
 - + Bút pháp lãng mạn lí tưởng hóa, ngôn ngữ giàu tính tạo hình...
- Kết thúc vấn đề:
 - + Đánh giá chung về tác phẩm và nhân vật.
 - + Chính tả, dùng từ, đặt câu.
 - + Đảm bảo quy tắc chính tả; dùng từ; đặt câu.